

TỔNG HỢP CÂU HỎI TỰ LUẬN MON KINH TẾ HỌC CÓ LỜI GIẢI

Câu 1: Các nguồn lực của hoạt động kinh tế

Nhân lực:

Là yếu tố cơ bản và quyết định nhất hoạt động kinh tế.

Quy mô: là lực lượng lao động của xã hội.

Số lượng phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp.

Chất lượng: sức khỏe, trình độ chuyên môn, trình độ văn hóa nói chung, thái độ và tác phong làm việc

Vốn:

Vốn hiện vật: toàn bộ những phương tiện vật chất (máy móc, thiết bị, nhà xưởng,...)

Vốn tài chính: tiền và các giấy tờ có giá (cổ phiếu, trái phiếu,...)

Vốn là kết quả hoạt động của hệ thống kinh tế, cần được sử dụng hiệu quả

Tài nguyên thiên nhiên:

Là những thứ có sẵn trong tự nhiên (đất đai, dầu mỏ, quặng sắt đồng, than đá,...)

Số lượng ngày càng khan hiếm, cần được sử dụng tiết kiệm và tái tạo.

Kỹ thuật công nghệ:

Là hệ thống phương pháp và cách thức sản xuất, những quy tắc về sự kết hợp các yếu tố đầu vào để chế tạo ra sản phẩm.

Vai trò: trực tiếp quyết định cách thức tiến hành sản xuất, quyết định năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Câu 2: Quy luật khan hiếm và giới hạn khả năng sản xuất của xã hội

Quy luật khan hiếm nguồn lực:

Một nguồn lực khan hiếm là nguồn lực mà tại điểm giá bằng không thì lượng cầu của nó lớn hơn lượng cung của nó.

Nội dung: các nguồn lực kinh tế không vô hạn mà luôn trong tình trạng khan hiếm tương ứng về các sản phẩm làm ra khiến cho xã hội không thể có đủ mọi sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên của XH

Giới hạn khả năng sản xuất của xã hội:

Là giới hạn của sự lựa chọn kinh tế theo đó, 1 nền kinh tế có thể sản xuất 1 số lượng tối đa các mặt hàng nào đó trên cơ sở nguồn lực hiện có.

Đường GHKNSẢN XUẤT:

Là tập hợp số lượng tối đa các mặt hàng mà nền kinh tế có thể sản xuất được khi sử dụng hết các nguồn lực.

Biểu thị mối quan hệ đánh đổi giữa các mặt hàng, sản xuất mặt hàng này nhiều lên thì phải hy sinh sản xuất mặt hàng khác.

Cho biết nền sản xuất xã hội có hiệu quả

Có thể dịch chuyển ra phía ngoài khi các nguồn lực trong nền KINH TẾ tăng lên, biểu thị sự phát triển kinh tế.

Câu 3: Cầu, cung và cân bằng thị trường hàng hóa, dịch vụ: Cầu, cung

	Cầu	Cung
Khái niệm	<p>- Cầu về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người mua sẵn sàng và có khả năng mua ở các mức giá khác nhau trong 1 khoảng thời gian nhất định.</p> <p>- Lượng cầu về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người mua sẵn sàng và có khả năng mua ở 1 mức giá nhất định trong 1 khoảng thời gian nào đó.</p>	<p>- Cung về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa mà người bán sẵn sàng và có khả năng bán ở các mức giá khác nhau trong 1 khoảng thời gian nhất định.</p> <p>- Lượng cung về 1 loại hàng hóa là số lượng hàng hóa được cung cấp tại 1 mức giá nào đó trong 1 khoảng thời gian xác định.</p>
Các công cụ hiển thị	Bảng cầu, hàm cầu, đồ thị cầu	Bảng cung, hàm cung, đồ thị cung
Luật	<p>- Lượng cầu về 1 loại hàng hóa sẽ tăng lên khi giá của hàng hóa đó giảm đi và ngược lại: $P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \uparrow (\downarrow)$</p> <p>- Cơ sở: khi tồn tại quy luật khan hiếm, người mua biết tối đa hóa lợi ích của mình và hàng hóa có tính thay thế (vd: P thịt đắt \rightarrow chuyển sang ăn trứng, cá, ... \rightarrow Q thịt \downarrow)</p>	Lượng cung của hầu hết các loại hàng hóa có xu hướng tăng khi giá của hàng hóa đó tăng và ngược lại trong 1 khoảng thời gian nhất định (cố định các nhân tố khác)
Các nhân tố ảnh hưởng	<p>1. P trượt dọc: do giá của chính bản thân hàng hóa đang xét.</p> <p>$P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \uparrow (\downarrow) \rightarrow$ trượt dọc</p> <p>2. Giá cả hàng hóa liên quan (P_y)</p> <p>a. Hàng hóa thay thế: là HH có thể sử dụng thay thế nhau trong việc thỏa mãn 1 nhu cầu nào đó của con người, quan hệ giữa giá của hàng hóa thay thế và sản lượng hàng hóa đang xét là</p>	<p>1. P trượt dọc: do giá của chính bản thân hàng hóa đang xét.</p> <p>$P \downarrow (\uparrow) \rightarrow Q \downarrow (\uparrow) \rightarrow$ trượt dọc</p> <p>2. Giá các yếu tố đầu vào (P_i)</p> <p>- $P_i \downarrow \rightarrow$ chi phí sản xuất $\uparrow \rightarrow$ cung \uparrow</p> <p>- ngược lại</p>

<p>tỉ lệ thuận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - $P_y \uparrow \rightarrow Q_y \downarrow \rightarrow Q_x \uparrow \rightarrow$ đường cầu dịch chuyển sang phải lên trên so với đồ thị ban đầu. - ngược lại <p><i>b. Hàng hóa bổ sung:</i> là hh được sử dụng đồng thời với hàng hóa khác. Quan hệ giữa giá của hh bổ sung và sản lượng hh đang xét là tỉ lệ nghịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - $P_y \uparrow \rightarrow Q_y \downarrow \rightarrow Q_x \downarrow \rightarrow$ đường cầu dịch trái xuống dưới. - ngược lại 	
<p>3. Thu nhập (I)</p> <p><i>a. Hàng hóa bình thường:</i> quan hệ tỉ lệ thuận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa thiết yếu: tốc độ thay đổi thu nhập > thay đổi cầu - Hàng hóa xa xỉ: tốc độ thay đổi thu nhập < tốc độ thay đổi cầu <p><i>b. Hàng hóa thứ cấp:</i> thu nhập và cầu có quan hệ tỉ lệ nghịch</p>	<p>4. Công nghệ sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - công nghệ sản xuất phát triển \rightarrow chi phí lao động $\downarrow \rightarrow$ sản xuất $\uparrow \rightarrow$ đường cung dịch trái. - ngược lại
<p>4. Số lượng người mua tham gia thị trường (N)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu thị số người tiêu dùng tham gia vào thị trường. - Quy mô thị trường tiêu dùng và cầu có quan hệ thuận chiều 	<p>5. Số lượng người bán tham gia thị trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô thị trường bán và cung có quan hệ thuận chiều
<p>5. Thị hiếu (T)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là sở thích, ý thích của người tiêu dùng đối với 1 loại sản phẩm, dv - sở thích của người tiêu dùng và cầu có quan hệ thuận chiều. 	<p>5. Chính sách của chính phủ (thuế, trợ cấp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuế tăng \rightarrow sản xuất ít \rightarrow đường cung dịch trái - trợ cấp tăng \rightarrow sản xuất nhiều \rightarrow đường cung dịch phải
<p>6. Kỳ vọng (E)</p>	<p>6. Kỳ vọng (E)</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Đề cập đến sự mong đợi hay dự kiến của người tiêu dùng về sự thay đổi trong tương lai các nhân tố tác động tới cầu hiện tại. - giá kỳ vọng tăng, cầu về hàng hóa tăng → đường cầu dịch phải và ngược lại 	<p><i>a. Về giá của hàng hóa trong tương lai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - nếu giá của hh trong tương lai ↑ → hiện tại sẽ bán ít đi → cung giảm ở cùng mức giá - ngược lại <p><i>b. Về giá yếu tố đầu vào trong tương lai</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - nếu giá yếu tố đầu vào trong tương lai ↑ → hiện tại sẽ bán nhiều lên → cung tăng ở cùng mức giá - ngược lại
<p>7. Các nhân tố khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất (i): i tăng → tiền gửi tiết kiệm tăng → $D_{hh} \downarrow$ - Tín dụng (C): nhiều hình thức tín dụng → $D_{hh} \uparrow$ 	<p>7. Các nhân tố khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất (i): $i \uparrow \rightarrow$ cung ↓ - Tín dụng (C): nhiều hình thức tín dụng → người sản xuất dễ vay tiền để sản xuất → cung ↑

Cân bằng thị trường hàng hóa, dịch vụ:

Là trạng thái trong đó giá cả và sản lượng giao dịch trên thị trường có khả năng tự ổn định, không chịu những áp lực buộc phải thay đổi

Đặc trưng: $Q_D = Q_S = Q_{CB}$

$$P_D = P_S = P_{CB}$$

Câu 4: Sự tác động của chính phủ vào hệ thống thị trường

Mục đích: Ổn định giá cả thị trường

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Bảo vệ quyền lợi người sản xuất

Các hình thức: giá cố định, giá trần và giá sàn

Giá cố định

Do nhà nước quy định, cố định trong từng thời kì. Ví dụ giá trong cơ chế kinh tế hàng hóa tập trung

Vì giá cố định trong khi giá cân bằng thay đổi nên:

- $PCĐ > PCB$ thì dư thừa
- $PCĐ < PCB$ thì thiếu hụt

Giá trần

Là giá bảo vệ quyền lợi người mua $P_c < PCB$ thì $P \downarrow \rightarrow$ thiếu hụt

Là giá quy định cao nhất trao đổi trên thị trường, k được phép cao hơn

Làm cho lợi ích xã hội giảm xuống

Ví dụ mức giá thuê nhà tối đa ở nhiều nước

Giá sàn

Là giá bảo vệ quyền lợi người sản xuất, bán hàng $P_f > P_{CB}$ thì $P \uparrow \rightarrow$ dư thừa

Là giá quy định thấp nhất trao đổi trên thị trường, k được phép thấp hơn

Làm cho ích lợi xã hội giảm xuống bằng DWL

Ví dụ mức tiền trả cho người lao động tối thiểu ở nhiều nước

Chính sách của chính phủ

Thuế đánh vào từng đơn vị sản phẩm

Trợ cấp trên một đơn vị sản phẩm

Câu 5: Mô hình tổng quát về sự lựa chọn sản lượng tối ưu của doanh nghiệp

Điều kiện cần

Khi doanh thu biên (MR) lớn hơn chi phí biên (MC) thì DN mở rộng sản xuất, tăng sản lượng

Khi MR nhỏ hơn MC thì DN thu hẹp sản xuất, giảm sản lượng

Khi MR bằng MC, DN có mức sản lượng tối ưu. Tại mức sản lượng $MR=MC$ doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận (đồ thị)

Điều kiện đủ: DN phải so sánh giá bán với chi phí sản xuất để xem có nên sản xuất hay không

Trong ngắn hạn: $P \geq SAVC \rightarrow$ DN nên sản xuất

$P < SAVC \rightarrow$ DN k nên sản xuất

Điểm tại đó: $P = SAVC$ là điểm đóng cửa

Trong dài hạn; $P \geq LAVC \rightarrow$ DN nên sản xuất

$P < LAVC \rightarrow$ DN k nên sản xuất

Điểm tại đó $P = LAVC$ là điểm đóng cửa

Câu 6: Tổng cầu và các nhân tố ảnh hưởng.

Tổng cầu (AD) là toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế muốn mua ở mỗi một mặt hàng bằng giá nhất định.

Các thành phần của tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn: $AD = C + I$

Trong đó: C là hàm số tiêu dùng $C = C_o + C_m \cdot Y$

(C_o là tiêu dùng bắt buộc; C_m là tiêu dùng biên)

I là hàm số đầu tư $I = I_o + I_m \cdot Y$

(I_o là đầu tư tự định; I_m là đầu tư biên)

Các nhân tố ảnh hưởng:

Thu nhập của nền kinh tế

Giá cả hàng hóa

Sức mua của thị trường

Năng lực và kỳ vọng của nhà sản xuất

Các lực lượng bên ngoài

Chi tiêu công

Câu 7: Tổng cung và các nhân tố ảnh hưởng.

Tổng cung (AS) là toàn bộ khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà một nền kinh tế sẵn sàng cung ứng tại mỗi mặt bằng giá nhất định.

Các nhân tố ảnh hưởng:

Tăng trưởng nội tại của doanh nghiệp

Kỳ vọng lợi nhuận

Môi trường kinh doanh

Sự thích ứng về công nghệ

Được bảo vệ bằng pháp luật

Môi trường văn hóa xã hội

Chi phí sản xuất

CPSẢN XUẤT giảm khi doanh nghiệp mở rộng sản xuất, Y tăng, AS tăng

CPSẢN XUẤT tăng khi DN thu hẹp sản xuất, Y giảm, AS giảm

Câu 8: Các thước đo sản lượng quốc gia.

Tổng sản phẩm quốc nội – GDP (Gross Domestic Products): phản ánh giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng được sản xuất ra trên **lãnh thổ một nước** trong một khoảng thời gian nhất định.

Tổng sản phẩm quốc dân – GNP (Gross Domestic Products): phản ánh giá trị bằng tiền của toàn bộ sản phẩm cuối cùng được sản xuất ra bởi **công dân một nước** trong một khoảng thời gian nhất định.

$GNP = GDP + NIA$ (NIA = thu nhập từ các yếu tố xuất khẩu - thu nhập từ các yếu tố nhập khẩu)

Câu 9: Mô hình tổng cầu**Tổng cầu**

Khái niệm: Tổng cầu là mức sản lượng của tất cả các hàng hóa và dịch vụ mà các tác nhân trong nền kinh tế sẽ sử dụng tương ứng với mức giá cả và thu nhập nhất định. Ký hiệu tổng cầu;AD

$$AD = C+I+G+ (EX - IM)$$

Trong đó:

C; chi tiêu của hộ gia đình.

G; chi tiêu của chính phủ.

$NX = Ex - Im$ là xuất khẩu ròng.

I; đầu tư tư nhân

Tổng cầu trong mô hình kinh tế đơn giản

Hàm tổng cầu đơn giản $AD = C + I$ hay $AD = C_0 + MPC.Y + I$

Sản lượng cần xác định (Y) là mức sản lượng cân bằng, sản lượng sản xuất ra đúng bằng sản lượng mà các hộ gia đình cần để tiêu dùng, và các hãng cần để đầu tư, nên $Y = AD$;

$Y = C_0 + MPC.Y + I$

$Y = 1/(1-MPC) * (C_0 + I)$ trong đó ; $1/(1-MPC) = 1/MPS = m$ được gọi là số nhân chi tiêu

Sản lượng cân bằng của nền kinh tế là ; $AD = AS = Y$ (Tổng cầu = tổng cung = sản lượng)

Câu 10: Lạm phát: Là sự tăng liên tục của mức giá trung bình theo thời gian

Nguyên nhân:

Nguyên nhân lạm phát của phái “trọng tiền”

Lạm phát do cầu kéo

Lạm phát chi phí đẩy

Tác động của lạm phát:

Tác động đối với sản lượng

Khi giá cả tăng sản lượng quốc dân cũng thay đổi theo. Nó có thể tăng, giảm hoặc có khi không thay đổi

Nếu lạm phát do cầu: sản lượng có thể tăng, lượng tăng tùy thuộc vào độ dốc của đường tổng cung

Nếu lạm phát do cung: sản lượng giảm giá cả tăng cao nền kinh tế rơi vào thời kỳ đình trệ lạm phát. Sự sụt giảm sản lượng như thế nào còn phụ thuộc vào độ dốc của đường tổng cầu.

Nếu do cả cung và cầu thì tùy theo mức độ dịch chuyển của cả hai đường tổng cầu và tổng cung thì sản lượng có thể tăng, giảm hoặc không đổi.

Tác động đối với phân phối lại thu nhập và của cải

Tác động tới cơ cấu kinh tế

Tác động đến tính hiệu quả kinh tế

Câu 11: Phân tích và thuyết minh bằng đồ thị về khái niệm cầu, các yếu tố tác động đến cầu, sự thay đổi đường cầu, sự cân bằng cung cầu?

Khái niệm:

Cầu là số lượng hàng hoá hay dịch vụ mà người mua có khả năng mua và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định .

VD: Anh A có 30 triệu đồng , anh A muốn mua một chiếc xe với số tiền đó .

Như vậy , khi nói đến cầu phải hiểu hai yếu tố cơ bản là khả năng mua và ý muốn sẵn sàng mua hàng hoá hoặc dịch vụ cụ thể đó.

Cầu của nền kinh tế thị trường khác với nhu cầu nói chung . Nhu cầu chỉ những mong muốn và nguyện vọng vô hạn của con người . Còn cầu chỉ là những nhu cầu có khả năng thanh toán tức là người mua có khả năng mua được hàng hoá đó.

VD: Anh A rất muốn có một chiếc xe máy đó là nhu cầu của anh A nhưng anh A không có tiền (khả năng mua) thì cầu của anh A bằng không mặc dù anh A có đủ tiền nhưng anh A lại không có nhu cầu mua xe thì cầu cũng bằng không.

Cầu về hàng hoá nào đó thường gắn liền với bối cảnh không gian thời gian nhất định vì nó có ảnh hưởng trực tiếp đến cầu.

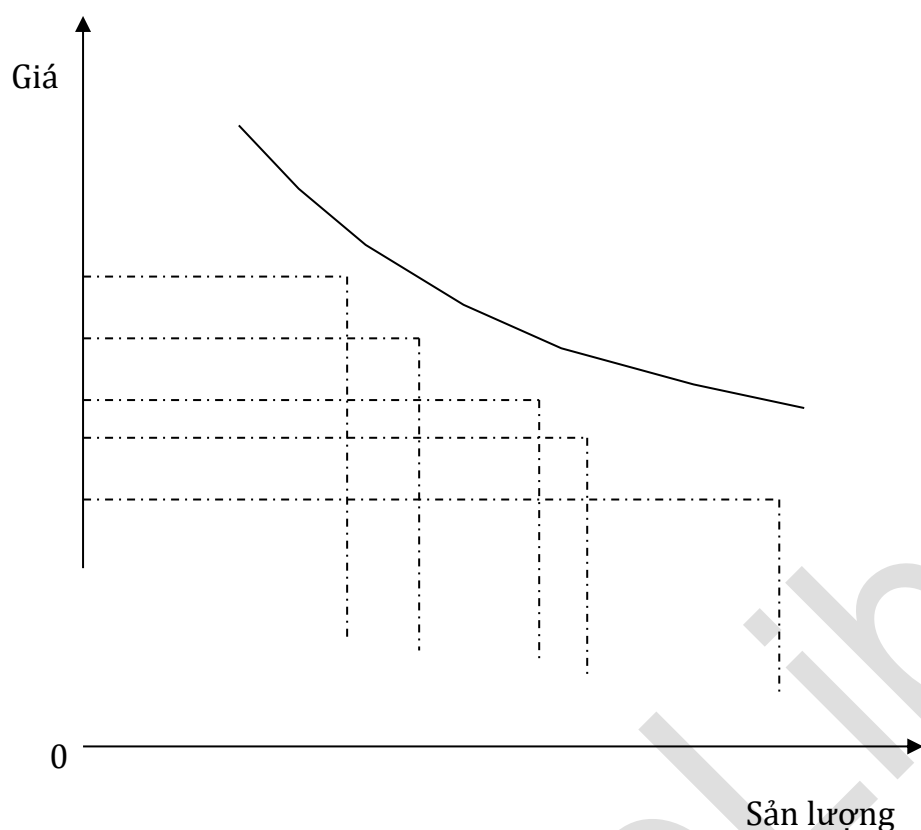
Cầu của thị trường là tổng hợp các cầu cá nhân trong xã hội về một loại hàng hoá nào đó.

Một khái niệm quan trọng nữa là lượng cầu : Là lượng hàng hoá, dịch vụ mà người mua sẵn sàng và có khả năng mua ở những mức giá đã cho trong một thời gian nhất định .

Chúng ta có thể biểu diễn lượng cầu về một loại hàng hoá nào đó mà người mua có khả năng mua và sẵn sàng mua trong một thời gian nhất định thành biểu cầu như:

VD :

P(giá)	50	40	30	20	10
Q(Slg)	18	20	24	30	40



Nhìn vào đồ thị ta thấy đường cầu nghiêng xuống dưới về bên phải, giá hàng hoá càng tăng thì cầu càng giảm (giá là 10 thì cầu là 40 nhưng giá lên 50 thì cầu chỉ là 18) giá của hàng hoá tỉ lệ nghịch với cầu.

Câu 11: Phân tích các chi phí của doanh nghiệp : Tổng chi phí, tổng chi phí bình quân, chi phí cận biên, biểu thị mối quan hệ giữa các chi phí này trong đồ thị?

Trong nền sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường các doanh nghiệp luôn phải cạnh tranh và bất cứ doanh nghiệp nào muốn thắng lợi thì đều phải quan tâm đến chi phí. Đây cũng là mối quan tâm lớn của người tiêu dùng và của cả xã hội nói chung. Trong các lý thuyết về chi phí trong doanh nghiệp thì cần đề cập đến các khái niệm : tổng chi phí, chi phí bình quân và chi phí cận biên.

Tổng chi phí:

Tổng chi phí là toàn bộ lượng chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất ra hàng hoá hay dịch vụ trong những điều kiện nhất định với một thời hạn nhất định.

VD: Để sản xuất ra 15 bộ quần áo mỗi ngày cần : 1 máy khâu, một lao động, 75 m vải và nhà máy được thuê theo hợp đồng và giá thị trường của các yếu tố đầu vào được xác định như sau : Thuê nhà máy : 100,000 nghìn đồng ; máy khâu : 20,000 nghìn đồng ; lao động : 10,000 nghìn đồng ; vải 115,000 nghìn đồng. tổng chi phí là : 245,000 nghìn đồng.

Tuy vậy tổng chi phí này sẽ thay đổi khi sản lượng thay đổi nhưng không phải mọi chi phí đều tăng theo sản lượng . Ở đây cần phân biệt 2 loại chi phí :

Chi phí cố định (FC): Là những chi phí không thay đổi khi sản lượng sản xuất thay đổi. VD trên thì tiền thuê nhà và tiền khấu hao máy móc là chi phí cố định, dù doanh nghiệp đó không sản xuất ra một sản phẩm nào cũng phải mất chi phí cố định.

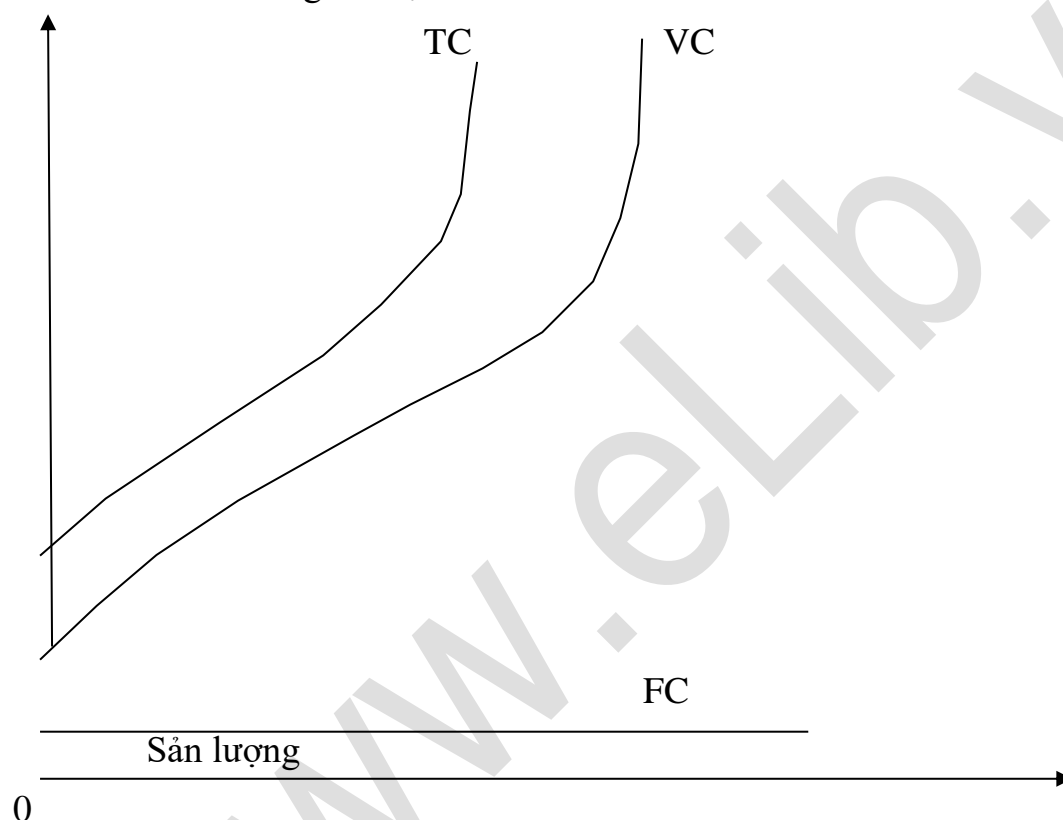
Chi phí biến đổi (VC): Là những chi phí tăng giảm cùng với mức tăng giảm sản lượng. VD trên đó là tiền mua nguyên vật liệu và tiền lương công nhân

Từ sự phân tích trên ta có công thức:

Tổng chi phí = chi phí cố định + chi phí biến đổi

Hay : $TC = FC + VC$

Có thể biểu diễn bằng đồ thị sau :



Nhìn vào đồ thị ta thấy nếu sản lượng bằng 0 thì $TC = FC$

- Ngoài ra để xác định tác động của thời hạn đối với chi phí sản xuất người ta còn phân tổng chi phí thành tổng chi phí ngắn hạn và tổng chi phí dài hạn :

+ Tổng chi phí ngắn hạn là tổng chi phí trong khoảng thời gian ngắn khi doanh nghiệp chưa kịp thích ứng với điều kiện của thị trường.

Tổng chi phí dài hạn là tổng chi phí được tính trong khoảng thời gian dài với khoảng thời gian đó doanh nghiệp có đủ điều kiện để thay đổi thiết bị, kỹ thuật công nghệ và các yếu tố đầu vào để thích ứng với thị trường nhằm đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Tổng chi phí bình quân (ATC):

Chi phí bình quân là chi phí trung bình để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm của doanh nghiệp.

$$CT : ATC = AFC + AVC \text{ hay } ATC = TC$$

TC là tổng chi phí

Q là sản lượng

Ở VD trên là : $AC = 245/15 = 16,330$ nghìn đồng. Trong đó thì chi phí cố định bình quân sẽ là : $120/15 = 8000$ nghìn đồng . Như vậy chi phí cố định bình quân (AFC) gần bằng $\frac{1}{2}$ tổng chi phí bình quân.

- Để giảm chi phí bình quân đòi hỏi các doanh nghiệp phải sử dụng triệt để máy móc, nhà xưởng, thiết bị để đẩy mức sản lượng tăng lên.

12. Lạm phát: Khái niệm, nguyên nhân, mức độ, tác động và giải pháp?

Khái niệm: Lạm phát là htrợng mức giá chung của nền kinh tế tăng trong 1 khoảng thời gian nhất định.

Mức độ:

Lạm phát vừa phải: % lạm phát < 10% : giá cả tăng đỗi chậm, ko ảnh hưởng nhiều đến khả năng tiêu dùng và đời sống của người dân.

Lạm phát cao: $10\% < \% \text{ lạm phát} < 100\%$

Lạm phát phi mã: $100\% < \% \text{ lạm phát} < 1000\%$: sự ảnh hưởng tăng mạnh cho đến đáng ngại. Tiền mất giá, nền kinh tế rối loạn (người dân tránh giữ tiền mặt mà tích trữ hàng tiêu dùng, đầu tư BĐS, mua vàng và ngoại tệ → nền kinh tế rối loạn, mất ổn định → tác động rất tiêu cực đến đs và toàn bộ nền kinh tế)

Siêu lạm phát: % lạm phát > 1000% : mức lạm phát chu kỳ lớn → nền kinh tế khốn đốn. các chính sách được đưa ra để khắc phục gần như vô hiệu do tình trạng quá trầm trọng và tốc độ giá cả tăng nhanh vùn vụt ko thể kiểm soát nổi → đồng tiền mất giá ckh nhanh chóng.

Nguyên nhân

Lạm phát do cầu kéo: xuất ra khi tổng cầu tăng (do các yếu tố trong tổng cầu tăng hoặc cung tiền tăng) nh tổng cung k đỗi hoặc tăng chậm hơn tổng cầu. Nhu cầu của thị trường về một mặt hàng nào đó tăng lên → giá tăng → giá cả mặt hàng khác tăng → tăng giá hầu hết các loại hhóa trên thị trường. Lạm phát do sự tăng lên về cầu (nhu cầu tiêu dùng của thị trường tăng) được gọi là "lạm phát do cầu kéo". (vd: giá dầu thô tăng → các nc nhập khẩu dầu tăng giá → xăng tăng → phí vận chuyển tăng → giá cả hàng hóa tăng)

Lạm phát do chi phí đẩy: Chi phí đẩy của các doanh nghiệp bao gồm tiền lương, giá cả nguyên liệu đầu vào, máy móc, chi phí bảo hiểm cho công nhân, thuế... Khi giá cả của một hoặc vài yếu tố này tăng lên → tổng chi phí sản xuất của các xí nghiệp tăng → giá thành sản phẩm tăng để bảo toàn lợi nhuận → mức giá chung của toàn thể nền kinh tế cũng sẽ tăng.

Do nền sản xuất yếu kém: Với ngành kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp tăng dần tiền công "danh nghĩa" cho người lao động. Nhưng cũng có những nhóm ngành kinh doanh không hiệu quả, doanh nghiệp cũng theo xu thế đó buộc phải tăng tiền công cho người lao

động. Nhưng vì kinh doanh kém hiệu quả + tăng tiền công cho người lao động → buộc phải tăng giá thành sản phẩm để đảm bảo mức lợi nhuận → phát sinh lạm phát.

Do bảo hộ các ngành sản xuất kém hiệu quả:

Quán tính: còn gọi là lạm phát dự kiến là tỷ lệ lạm phát hiện tại mà mng dự kiến nó sẽ tục trong tương lai. Tỷ lệ này được đưa vào các hợp đồng kinh tế, các kế hoạch hay thỏa thuận khác. Chính vì mng đều đưa tỷ lệ này vào mọi hoạt động của mình nên cùng nó trở thành hiện thực. (vd: nền kinh tế lạm phát cao → mọi người có xu hướng chỉ giữ 1 lượng tiền mặt tối thiểu tiêu dùng hàng ngày, đem đổi tiền lấy các đồng tiền mạnh khác, vàng hay hàng hóa → tăng lượng tiền lưu thông trên thị trường → tiền mất giá → tăng lạm phát)

Do chính sách tiền tệ “mở rộng”: Khi cung lượng tiền lưu hành trong nước tăng, chẳng hạn do ngân hàng trung ương mua ngoại tệ vào để giữ cho đồng tiền trong nước khỏi mất giá so với ngoại tệ; hay do ngân hàng trung ương mua công trái theo yêu cầu của nhà nước làm cho lượng tiền lưu thông tăng lên cũng là nguyên nhân gây ra lạm phát.

Tác động

Làm giảm hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội: làm biến dạng hành vi kinh doanh, đặc biệt là đầu tư do làm mất khả năng tính toán về lợi nhuận; kìm hãm đầu tư dài hạn, kích thích đầu tư ngắn hạn vào các tài sản có tính đầu cơ như bất động sản, kim loại quý... → khan hiếm hàng hóa ko bth và lạm phát; làm rối loạn chức năng thước đo giá trị của tiền tệ → bóp méo, biến dạng các yếu tố và tín hiệu thị trường → toàn bộ các hoạt động kinh tế-xh, đặc biệt là sản xuất-kd ko thể tiến hành bth → giảm nức cạnh tranh hàng hóa trong nước

Giải pháp

Tăng cường sản xuất trên cơ sở nâng cao hiệu quả sản xuất: tăng sản lượng sản phẩm nhưng giá thành không tăng (đầu tư kỹ thuật trong sản xuất, ...) nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất → tối ưu hóa nền sản xuất → nền kinh tế ít chịu tác động của lạm phát hơn

Giảm chi phí cho doanh nghiệp: tìm mọi cách khả dĩ nhằm giảm chi phí đầu vào → hạ giá thành sản phẩm. Vd: cắt giảm lao động, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên-nhiên-vật liệu trong sản xuất → giá cả thị trường giảm → kiềm chế lạm phát.

Tự do hóa thương mại: thực hiện chiến lược thị trường cạnh tranh tự do và bình đẳng

Sử dụng chính sách tiền tệ hợp lý: (chính sách tài khóa và tiền tệ thu hẹp) thực hiện các biện pháp nhằm giảm lượng cung tiền (vd: bán các loại giấy tờ có giá, tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc,...) chính phủ bán các loại trái phiếu có giá (trái phiếu) hoặc NHTW tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc → giảm lượng tiền trên thị trường → giảm cung tiền → giảm tiêu dùng và đầu tư → hạn chế lạm phát

Tổ chức thị trường và đờ chỉnh đốn tiêu dùng: sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, các động thái của chính phủ đúng lúc đúng mức → trấn an các thành phần kinh tế, làm họ tin tưởng và sự phát triển bền vững của nền kinh tế → họ loại bỏ trong kế hoạch của mình các yếu tố liên quan đến tốc độ tăng cao → hạn chế (cách này phải dựa trên nhu cầu của các ngành = cách giảm cầu hay tác động lên cung

Câu 13: Thất nghiệp

Thất nghiệp:

Khái niệm: Thất nghiệp là khái niệm dùng để chỉ những người trong độ tuổi lao động, có khả năng và có nhu cầu làm việc nhưng không có việc làm.

Nguyên nhân:

Theo trường phái cổ điển: Trong nền kinh tế giá cả và tiền công là hết sức linh hoạt Thị trường lao động luôn ở thế cân bằng và chỉ có thất nghiệp tự nguyện

Lương cao hơn mức lương cân bằng:

Luật tiền lương tối thiểu

Công đoàn

Lý thuyết tiền lương hiệu quả

Lý thuyết tiền công cứng nhắc- quan điểm của Keynes

Thất nghiệp do sụt giảm tổng cầu

Thị trường có hai loại là thất nghiệp tự nguyện và không tự nguyện. Trong đó thất nghiệp không tự nguyện là thất nghiệp do suy giảm tổng cầu, với mức tiền lương cứng nhắc không được điều chỉnh sẽ làm cho bộ phận người lao động bị thất nghiệp

Nguyên nhân tiền:

Luật tiền lương tối thiểu

Công đoàn

Tác động của thất nghiệp:

Tác động tiêu cực

Đối với nền kinh tế: Làm cho nền kinh tế kém hiệu quả. Theo quy luật OKUN: 1% thất nghiệp sẽ giảm 2.5% sản lượng

Đối với cá nhân người lao động: giảm thu nhập, tâm lý

+Đối với xã hội: Tệ nạn xã hội

Tác động tích cực

Tạo đội quân dự trữ

Tỉ lệ thất nghiệp tự nguyện phản ánh mức sống của người dân cao hơn

Trong từng giai đoạn sự thất nghiệp của người lao động giúp nhà sản xuất hoạt động hiệu quả hơn.

Thất nghiệp cơ cấu hoặc thất nghiệp tạm thời giúp người lao động có cơ hội tìm được một công việc phù hợp hơn với chuyên môn và khả năng, giúp người lao động có cơ hội nâng cao khả năng của mình.